

Bản án số: 99/2024/DSST

Ngày 23-8-2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- *Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán* - chủ tọa phiên Tòa: Ông Trịnh Hồng Phúc

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đặng Song Hoàn

Ông Hồ Hữu Hiền

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên Tòa:* Ông Đoàn Ngô Minh - Thư ký
Tòa án nhân dân Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Vũng Tàu tham gia phiên Tòa:* Bà
Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử vụ án Dân sự thụ lý số 396/2024/DSST ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐST-XX ngày 22 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên Tòa ngày 07 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty T - Người đại diện theo pháp luật ông LEE YUN HYOUNG, chức danh Tổng giám đốc.

Địa chỉ: I P, phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Công ty L1 - Người đại diện theo pháp luật ông Cồ Lê H (văn bản ủy quyền số 09/2024/GUQ-MAFC, ngày 02-5-2024)

Địa chỉ: Số B (tầng 1+3) L, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Võ Bá L (Văn bản ủy quyền 106/GUQ-2024, ngày 05-7-2024)

Địa chỉ: Số B (tầng 1+3) L, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Anh Mai Hoàng Đ, sinh năm 2000

Địa chỉ: 1 H, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt đến lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22-5-2024 và qua quá trình làm việc, đại diện Công ty T “Tên viết tắt Công ty T” trình bày:

Nội dung: Công ty T đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xem xét giải quyết buộc anh Mai Hoàng Đ thanh toán toàn bộ khoản vay, bao gồm dư nợ gốc, lãi và phí tạm tính đến ngày 03-5-2024 là 58.320.309đ(Năm mươi tám triệu ba trăm hai mươi ngàn ba trăm lẻ chín đồng).

Ngày 26-9-2023; Công ty T và anh Mai Hoàng Đ ký Hợp đồng tín dụng số 4942636 về việc cho ông Đ vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng);nghĩa vụ thanh toán hàng tháng là 4.113.965đ, tính từ ngày 25-10-2023 đến ngày 25-03-2025.

Quá trình vay anh Đ trả được hai kỳ tổng cộng là 7.820.157đ(Bảy triệu tám trăm hai mươi ngàn một trăm năm mươi bảy đồng). Nhưng từ ngày 22-11-2023 tới nay anh Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Tính đến ngày 03-5-2024, anh Đ vi phạm các khoản phải thanh toán là 58.320.309đ(Năm mươi tám triệu ba trăm hai mươi ngàn ba trăm lẻ chín đồng); trong đó nợ gốc là 47.924.391đ(Bốn mươi bảy triệu chín trăm hai mươi bốn ngàn ba trăm chín mươi một đồng); lãi trong hạn là 8.664.923đ(Tám triệu sáu trăm sáu mươi bốn ngàn chín trăm hai mươi ba đồng) và lãi chậm trả là 1.730.995đ(Một triệu bảy trăm ba mươi ngàn chín trăm chín mươi lăm đồng); thời hạn vay 18 tháng, ngày giải ngân anh Đ nhận đủ số tiền vay ngày 25-10-2023; lãi suất cho vay 48%/ năm.

Mục đích vay tiêu dùng cá nhân, hình thức vay tín chấp không có tài sản bảo đảm.

Bị đơn anh Mai Hoàng Đ không chấp hành theo giấy triệu tập làm việc của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu; anh Đ vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Tp.Vũng Tàu phát biểu:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 về việc thụ lý, giải quyết vụ án dân sự, về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

[2] Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T đối với bị đơn anh Mai Hoàng Đ.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn anh Mai Hoàng Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp.Vũng Tàu, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tổ tụng: Công ty T được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTT; mã số doanh nghiệp C; đăng ký lần đầu ngày 08-9-2011, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 02-4-2024, kèm Giấy phép số 73/GP-NHNN, ngày 12-11-2021, thành lập và hoạt động Công ty T, được thực hiện các hoạt động của công ty tài chính tín dụng tiêu dùng theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng N trong đó có hoạt động cho vay tiêu dùng.

Ngày 26-3-2023; Công ty T và anh Mai Hoàng Đ ký Hợp đồng tín dụng số 4942636 về việc cho anh Đ vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Mục đích vay vốn của anh Đ, anh Đ vay tiêu dùng cho cá nhân; nay xảy ra tranh chấp xác định đây là vụ án Dân sự “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” căn cứ Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự;

Theo địa chỉ ghi trên Hợp đồng tín dụng thì anh Mai Hoàng Đ cư trú tại số A H, phường T, thành phố V nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu căn cứ Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 07-8-2024, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đưa vụ án ra xét xử bị đơn anh Mai Hoàng Đ; vắng mặt không lý do; Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên Tòa.

Nay phiên Tòa được mở lại bị đơn anh Mai Hoàng Đ vắng mặt đến lần thứ hai không vì trở ngại khách quan, vắng mặt không lý do; Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Mai Hoàng Đ.

Nguyên đơn Công ty T có đơn xin xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt của nguyên đơn không ảnh hưởng tới phiên xét xử do đó căn cứ điểm a khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn Công ty T.

[2] Về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn Công ty T yêu cầu bị đơn anh Mai Hoàng Đ trả khoản nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 20-8-2024 là 66.233.820đ (Sáu mươi sáu triệu hai trăm ba mươi ba ngàn tám trăm hai mươi đồng); trong đó:

+ Nợ gốc 47.924.391đ (Bốn mươi bảy triệu chín trăm hai mươi bốn ngàn ba trăm chín mươi một đồng);

+ Nợ lãi trong hạn: 12.650.692đ (Mười hai triệu sáu trăm mười ngàn sáu trăm chín mươi hai đồng);

+ Nợ lãi quá hạn: 5.155.200đ (Năm triệu một trăm năm mươi lăm ngàn hai trăm đồng);

+Nợ lãi chậm trả: 503.537đ(Năm trăm lẻ ba ngàn năm trăm ba mươi bảy đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng tính từ ngày 21-8-2024 đến ngày anh Mai Hoàng Đ thanh toán xong khoản nợ.

[3] Xét hiệu lực của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4942636, ngày 26-9-2023; Hội đồng xét xử nhận định: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty T kèm theo các tài liệu chứng cứ có đủ cơ sở để nhận định:

Ngày 26-9-2023, anh Mai Hoàng Đ có giao kết với Công ty T Hợp đồng tín dụng số 4942636; xét hình thức của hợp đồng được lập thành văn bản do người có thẩm quyền của Công ty T và anh Mai Hoàng Đ tự nguyện giao kết.

Tuy anh Đ không trực tiếp ký tên vào Hợp đồng nhưng có giao kết hợp đồng dưới hình thức chữ ký số do anh Đ đã đăng ký loại chứng thư số OID-B1.0 -1D do trung tâm D chứng nhận.

Xét thấy: Theo quy định tại Điều 8 Nghị định 130/2018/NĐ-CP quy định về giá trị của chữ ký số như sau: “ Trong trường hợp pháp luật quy định văn bản cần có chữ ký thì yêu cầu đối với một thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng nếu thông điệp dữ liệu đó được ký bằng chữ ký số và chữ ký số đó được đảm bảo an toàn theo quy định tại Điều 9 Nghị định 130/2018/NĐ-CP; Điều 9 Nghị định 130/2018/NĐ-CP quy định chữ ký số được xem là chữ ký điện tử an toàn khi đáp ứng các điều kiện sau:

“ Chữ ký số được tạo ra trong thời gian chứng thư số có hiệu lực và kiểm tra được bằng khoá công khai ghi trên chứng thư số đó”;

“ Chữ ký số được tạo ra bằng việc sử dụng khoá bí mật tương ứng với khoá công khai ghi trên chứng thư số do một trong các tổ chứng sau đây cấp:

- + *Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia;*
- + *Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số Chính phủ;*
- + *Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.*

Hội đồng xét xử xét thấy: Chữ ký số của anh Mai Hoàng Đ đăng ký và được Trung tâm D cung cấp. Công ty TNHH H1 là đơn vị được thực hiện dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng FPT- CA, theo giấy phép cung cấp dịch vụ chữ ký số công cộng 527/GP-BTTTT, ngày 12-10-2015, của Bộ T1 nên chữ ký số anh Đ đăng ký có giá trị pháp lý.

Xét về nội dung của Hợp đồng tín dụng số 4942636, ngày 26-9-2023 không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, thể hiện ý trí tự nguyện của các bên giao kết, phù hợp với các quy định của pháp luật dân sự ; Điều 122, Điều 123 và Điều 124 Bộ luật dân sự năm 2015; do đó, Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4942636, ngày 26-9-2023 giao kết giữa anh Mai Hoàng Đ có giao kết với Công ty T có hiệu lực pháp luật.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Yêu cầu bị đơn anh Mai Hoàng Đ trả khoản nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 20-8-2024 là 66.233.820đ(Sáu mươi sáu triệu hai trăm ba mươi ba ngàn tám trăm hai mươi đồng); trong đó:

+ Nợ gốc 47.924.391đ(Bốn mươi bảy triệu chín trăm hai mươi bốn ngàn ba trăm chín mươi một đồng);

+ Nợ lãi trong hạn: 12.650.692đ(Mười hai triệu sáu trăm mười ngàn sáu trăm chín mươi hai đồng);

+Nợ lãi quá hạn: 5.155.200đ(Năm triệu một trăm năm mươi lăm ngàn hai trăm đồng);

+Nợ lãi chậm trả: 503.537đ(Năm trăm lẻ ba ngàn năm trăm ba mươi bảy đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng tính từ ngày 21-8-2024 đến ngày anh Mai Hoàng Đ thanh toán xong khoản nợ;

Hội đồng xét xử xét thấy; trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn anh Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và nợ lãi theo quy định tại Điều 8 của hợp đồng, bị đơn anh Đ mới trả được nợ gốc là 2.075.609đ(hai triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn sáu trăm lẻ chín đồng) và 5.744.548đ nợ lãi.

Bị đơn anh Đ đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình, không cung cấp cho Toà án các tài liệu, chứng cứ do bị đơn anh Đ nắm giữ.

[5] Từ nhận định nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy: Có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T đối với bị đơn anh Mai Hoàng Đ; buộc bị đơn anh Mai Hoàng Đ phải trả số tiền 66.233.820đ(Sáu mươi sáu triệu hai trăm ba mươi ba ngàn tám trăm hai mươi đồng), cho nguyên đơn Công ty T, tính đến ngày 20-8-2024.

Trong đó:

+ Nợ gốc 47.924.391đ(Bốn mươi bảy triệu chín trăm hai mươi bốn ngàn ba trăm chín mươi một đồng);

+ Nợ lãi trong hạn: 12.650.692đ(Mười hai triệu sáu trăm mười ngàn sáu trăm chín mươi hai đồng);

+Nợ lãi quá hạn: 5.155.200đ(Năm triệu một trăm năm mươi lăm ngàn hai trăm đồng);

+Nợ lãi chậm trả: 503.537đ(Năm trăm lẻ ba ngàn năm trăm ba mươi bảy đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 4942636, ngày 26-9-2023 tính từ ngày 21-8-2024 đến ngày anh Mai Hoàng Đ thanh toán xong khoản nợ cho nguyên đơn Công ty T.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn anh Mai Hoàng Đ có lỗi hoàn toàn nên phải chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm;

Cách tính án phí:(Từ 6.000.000đ đến 400.000.000đ phải chịu 5% giá trị tài sản tranh chấp).

Về án phí DSST: Bị đơn anh Mai Hoàng Đ phải chịu là 3.311.691đ (Ba triệu ba trăm mười một ngàn sáu trăm chín mươi một đồng).

Nguyên đơn Công ty T được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 1.400.000đ(Một triệu bốn trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0000284, ngày 27-06-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 8, Điều 27 và Điều 73 Luật tổ chức tín dụng sửa đổi năm 2024; khoản 02 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 13.

[1] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T đối với bị đơn anh Mai Hoàng Đ.

[1.1] Buộc anh Mai Hoàng Đ phải trả cho Công ty T số tiền là 66.233.820đ (Sáu mươi sáu triệu hai trăm ba mươi ba ngàn tám trăm hai mươi đồng), tính đến ngày 20-8-2024;

Trong đó:

+ Nợ gốc 47.924.391đ (Bốn mươi bảy triệu chín trăm hai mươi bốn ngàn ba trăm chín mươi một đồng);

+ Nợ lãi trong hạn: 12.650.692đ (Mười hai triệu sáu trăm mười ngàn sáu trăm chín mươi hai đồng);

+ Nợ lãi quá hạn: 5.155.200đ (Năm triệu một trăm năm mươi lăm ngàn hai trăm đồng);

+ Nợ lãi chậm trả: 503.537đ (Năm trăm lẻ ba ngàn năm trăm ba mươi bảy đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 4942636, ngày 26-9-2023 tính từ ngày 21-8-2024 đến ngày anh Mai Hoàng Đ thanh toán xong khoản nợ cho nguyên đơn Công ty T.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[2.1] Bị đơn: Bị đơn anh Mai Hoàng Đ phải chịu là 3.311.691đ (Ba triệu ba trăm mười một ngàn sáu trăm chín mươi một đồng).

[2.2] Nguyên đơn Công ty T được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0000284, ngày 27-06-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

[3] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

**TM .HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh BR-VT
- Viện kiểm sát ND Tp-VT
- Thị hành án dân sự Tp- VT
- Lưu hồ sơ.

Trịnh Hồng Phúc